

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Học phần 3

MỤC LỤC

Câu 1: Tính năng, tác dụng của Súng AK 7,62mm, Súng CKC, súng RPD. Qui tắc tháo lắp súng AK	4
Câu 2: Tính năng, tác dụng của súng diệt tăng B41mm	6
Câu 3: Trình bày qui tắc an toàn khi use súng diệt tăng B40,B41	7
Câu 4: Thế nào là Đường ngắm cơ bản; Đường ngắm đúng; Điểm ngắm đúng? Ý nghĩa trong chiến đấu. Trình bày qui tắc tháo, lắp súng Bộ binh	8
Câu 5: Các yêu cầu chiến thuật của từng người trong chiến đấu tiến công. Phân tích yêu cầu 1,2,3.....	8
Câu 6: Đặc điểm và cách đánh mục tiêu ụ súng có nắp và ko có nắp. Đặc điểm và cách đánh mục tiêu xe tăng địch.....	10
Câu 7: Nhiệm vụ từng người trong chiến đấu tiến công và từng ng trong chiến đấu phòng ngự. Trình bày nội dung hiểu rõ nhiệm vụ của từng ng trong chiến đấu tiến công.	12
Câu 8: Các yêu cầu chiến thuật của từng ng trong chiến đấu phòng ngự. Phân tích Yêu cầu 1,2,4	13
Câu 9: KN bản đồ, địa hình? Trình bày phương pháp chiếu đồ Gauss, phương pháp chiếu đồ UTM	15
Câu 10: Định nghĩa, đặc điểm của đường bình độ.....	16
Câu 11: Căn cứ vào phương pháp chiếu đồ Gauss, trình bày cách xác định mảnh bản đồ có số hiệu: (...)	17
Câu 12: KN, tdụng, yêu cầu khi use thuốc nổ	17



Câu 13: Nêu 1 số loại thuốc nổ thg dùng. Trình bày tính năng, công dụng của thuốc nổ TNT	18
Câu 14: Trình bày tác dụng, cấu tạo các ptien gây nổ thg	19
Câu 15: Các nhân tố sát thg phá hoại của VK hạt nhân khi nổ tạo ra, trình bày đặc điểm tác hại và cách phòng chống các nhân tố sát thg phá hoại	21
Câu 16: Thế nào là VK hoá học? Trình bày đặc điểm chiến đấu của VK hoá học, phân tích các chất độc thần kinh, loét da.....	24
Câu 17: Thế nào là VK sinh học? Trình bày triệu chứng, cách phòng chống các bệnh dịch hạch, bệnh than, bệnh đậu mùa	25

Câu 1: Tính năng, tác dụng của Súng AK 7,62mm, Súng CKC, súng RPD. Quy tắc tháo lắp súng AK

*** Tính năng, tác dụng:**

(1) Súng AK 7,62mm:

- tự động nạp đạn, bắn đc cả liên thanh (loạt ngắn: 2,3 viên; loạt dài: 6-8 viên) + phát một, giữ tay cò bắn đc cả hộp tiếp đạn
- TL AK, AKM, AKMS trang bị cho 1 ng use dùng hoả lực, lưỡi lê, báng súng -> tdiệt địch
- Use kiểu đạn 1943 Liên Xô + 1956 TQ + k56 VN
- Tầm bắn xa nhất = 3000m (góc bắn 32-35)
Tầm bắn hiệu quả: bắn liên thanh: 300m; bắn phát một: 400m; bắn mbay, quân dù: 500m; xạ thủ giỏi: 600m
- Tầm bắn ghi trên thước ngắm: AK-47: 1-8; AKM, AKMS: 1-10
- Tầm bắn thẳng:
 - + đối vs MT ng nằm: 350m
 - + vs MT ng chạy: 525m
 - + ở cự ly 1500m đầu đạn vx sát thg đc MT
- V bắn lí thuyết khi bắn liên thanh = 600p/p
V bắn chiến đấu – liên thanh = 100p/p; phát 1 = 40p/p
- Hoả lực tập trung bắn MT trên mặt đất đến 800m và V đầu của đầu đạn:
AK47 – 710m/s; AKM, AKMS – 715m/s
- Khối lg súng: AK: 3,8kg; AKM: 3,1kg; AKMS: 3,3kg -> lắp đủ 20 viên khối lg súng tăng 0,5kg

(2) Súng CKC:



- trang bị cho 1 ng use dùng hỏa lực, lưới lê, báng súng -> diệt địch
- cấu tạo gọn nhẹ, chỉ bắn phát 1
- use kiểu đạn 1943 Liên Xô + 1956 TQ + k56 VN
- Tầm bắn ghi trên thước ngắm: 100-1000m
- Tầm bắn hiệu quả: 400m

Hỏa lực tập trung: 800m

Bắn mbay, quân dù: 500m

- Tầm bắn thẳng: MT cao 0,5m: 350m; MT cao 1,5m: 525m
- V đầu của đầu đạn: 735m/s
- V bắn chiến đấu: 35-40p/p
- Khối lg súng: 3,75kg -> đủ 10 viên đạn: 3,9kg

(3) Súng RPD:

- VK tự động có hỏa lực mạnh của tiểu đội bộ binh trang bị 1ng use -> diệt địch; chỉ bắn liên thanh
- use chung đạn AK
- hộp tiếp đạn 100 viên
- tầm bắn ghi trên thước ngắm: 100-1000m
- Tầm bắn hiệu quả: MT mặt đất, mặt nc: 800m; bắn mbay, quân dù: 500m
- Tầm bắn thẳng
 - + MT ng nằm: 365m
 - + MT ng chạy: 540m
- V đầu của đầu đạn: 735m/s
- V bắn:
 - + lý thuyết: 650 p/p
 - + bắn chiến đấu: 150 p/p



- Khối lg súng: 7,4kg; đủ 100 viên đạn: 9kg

* Qui tắc tháo lắp súng AK

Câu 2: Tính năng, tác dụng của súng diệt tăng B41mm

- súng có hỏa lực mạnh của phân đội bộ binh, do 1ng/1tổ use -> tdiệt MT bằng sắt thép như xe tăng, xe bọc thép, pháo tự hành...

- Tầm bắn ghi trên thc ngắm: 200-500m

- Tầm bắn thẳng vs MT cao 2,7m: 330m

- V đầu của đạn 120m/s, V max: 300m/s

- V bắn chiến đấu: 4->6 p/p

- Cỡ đạn 85mm. Đạn thiết kế theo nguyên lí lg nổ lõm, ngòi nổ theo nguyên lí áp điện, time tự huỷ từ 4-6s.

Sức xuyên ko phụ thc vào cự li bắn và tốc độ bay, chỉ phụ thc vào góc chạm của quả đạn vs MT. Khi góc chạm bằng 90 độ sức xuyên

+ sắt thép 280mm

+ bê tông cốt thép dày 900mm

+ cát 800mm

- Khối lg súng: 6,3kg; kính ngắm 0,5kg; đạn: 2,2kg

Câu 3: Trình bày qui tắc an toàn khi use súng diệt tăng B40,B41

- Phía sau vị trí bắn cách đuôi nòng ít nhất 1m(B40), 2m(B41) ko có vật chắn vuông góc vs trục nòng súng
- Khi cbi bắn và tháo đạn phía sau nòng súng cách ít nhất 10m(B40), 30m(B41) và mỗi bên 22,5 độ so vs trục nòng súng ko đc có thuốc nổ, chất dễ cháy hoặc ng qua lại
- Khi bắn có vật tì, miệng nòng súng phải nhô ra phía trc vật tì và xung quanh miệng súng cách ít nhất 20cm ko có vật cản lm ảnh hg cánh đuôi đạn
- Trên hg bay của đạn ko đc có vật cản để đảm đạn ko bị va chạm lm tđổi hg bay
- Khi ktra bắn đạn thật, bắn khi diễn tập vào các loại MT, ng bắn phải bắn ở trong công sự. (Chú ý: B41: trg hợp bắn ko có công sự ng bắn phải cách mục tiêu ít nhất 300m)
- Khi bắn đạn ko đi, phải giữ nguyên sau 1 phút ms lấy đạn ra khỏi súng, tập trung đạn lại nộ lên trên
- Khi bắn đạn phóng đi but ko nổ phải giữ nguyên tại chỗ và phá huỷ theo qui tắc phá huỷ đạn ko nổ
- Khi bắn súng diệt tăng B40,B41 tuyệt đối ko đc đặt súng lên vai trái, ngắm bắn bằng mắt trái (vì bên phải có lỗ trích khí thuốc)

Câu 4: Thế nào là Đường ngắm cơ bản; Đường ngắm đúng; Điểm ngắm đúng? Ý nghĩa trong chiến đấu. Trình bày qui tắc tháo, lắp súng Bộ binh

* KN:

- Đường ngắm cơ bản: đg thẳng từ mắt ng ngắm qua chính giữa mép trên của khe thước ngắm đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm
- Đường ngắm đúng: đường ngắm cơ bản đc đóng vào điểm ngắm đã xác định với đk mặt súng thẳng bằng
- Điểm ngắm đúng: điểm đã đc xác định trc sao cho khi ngắm vào đó để bắn thì quỹ đạo của đg đạn sẽ đi qua điểm định bắn trên MT
- > Ý nghĩa: xác định góc bắn, hướng bắn cho súng -> đưa quỹ đạo của đg đạn đi qua điểm bắn

* Qui tắc tháo, lắp súng bộ binh:

- Nắm vững cấu tạo súng
- Khi tháo, lắp chọn nơi khô ráo, sạch sẽ. Trc khi tháo, lắp cbi đầy đủ đồ dùng, ptien cần thiết cho tháo, lắp và ktra súng
- Trc khi tháo, lắp phải khám súng
- Khi tháo, lắp phải dùng đúng phụ tùng, lm đúng động tác, gắp vướng mắc phải nghiên cứu thận trọng, ko dùng smạnh đập bẫy lm hỏng súng

Câu 5: Các yêu cầu chiến thuật của từng ng trog chiến đấu tiến công. Phân tích Yêu cầu 1,2,3

(1) *Bí mật, bất ngờ, tinh khôn, mưu mẹo*

- Ý nghĩa: Yêu cầu cơ bản qtrọng

- Nội dung:

- + Bí mật -> lm quân địch k phát hiện ra ý định tiến công
- + Bất ngờ -> thế chủ động, lm địch hoang mang, k kịp đề phòng
- + Tinh khôn, mưu mẹo -> lừa dụ địch

- Bpháp:

- + Bí mật trong công tác cbi chiến đấu
- + Bất ngờ tạo thế chủ động đánh F
- + Tinh khôn, mưu mẹo -> sự khôn khéo lừa F, dụ F.

(2) Dũng cảm, linh hoạt, kịp thời

- Ý nghĩa:

- Nội dung:

- + Dũng cảm -> không bỏ chạy trc khó khăn, nguy hiểm, tập trung vào nhiệm vụ chiến đấu BVTQ
- + Linh hoạt, kịp thời -> có phương pháp chiến đấu hợp lí, kịp thời tránh rủi ro xra

- Bpháp: dũng cảm tgia chiến đấu khi có nhiệm vụ, linh hoạt xử lí kịp thời trước mọi tình huống

(3) Biết phát hiện và lợi dụng nơi sơ hở, hiểm yếu của địch, tiếp cận đến gần tdiệt địch

- Ý nghĩa: nt

- Nội dung:

- + Biết phát hiện -> cbi ctác chiến đấu, đối phó với kẻ địch trong gian tới
- + Lợi dụng nơi sơ hở, hiểm yếu của địch, tiếp cận -> khiến địch mất cảnh giác, lâm vào thế bị động, thất bại nhanh chóng

- Bpháp: phát hiện kế hoạch của địch tạo thế chủ động trong cbi và tiến công nơi sơ hở của địch lm địch hoang mang, mất cảnh giác chiến đấu
- (4) *Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, ltục chiến đấu*
- (5) *Phát huy cao độ hiệu quả của VK,trag bị tdiệt địch, tiết kiệm đạn*
- (6) *Đánh nhanh, sục sạo kĩ, vừa đánh vừa địch vận*

Câu 6: Đặc điểm và cách đánh mtiêu ụ súng có nắp và ko có nắp. Đặc điểm và cách đánh mục tiêu xe tăng địch

(1) Mtiêu ụ súng:

**** Đặc điểm***

- Ụ súng có nắp/ ko có nắp, thg lm bằng gỗ, đất, bê tông cốt thép lắp ghép, cấu trúc kiểu nửa chìm, nửa nổi, có lỗ bắn ra các hg, cửa ra vào quay vào phía trong, xung quanh và trên nắp thg xếp các bao cát, có thể có hàng rào chắn đạn B40,B41 vây quanh. Nối liền các ụ súng vs nhau thg bằng tường đất/ bằng các hào sâu, bên cạnh ụ súng có các hố bắn.
- Ụ súng thg bố trí nơi địa hình có lợi khi hỗ trợ, chỉ viện cho nhau trog quá trình chiến đấu, nguy trang kín đáo khó phát hiện.

**** Cách đánh***

- Trc khi đánh, csĩ phải quan sát xác định loại MT sẽ đánh
- Ụ súng k có nắp: bí mật tiếp cận vào bên sườn, phía sau, đến cự li thích hợp dùng thủ pháp, lựu đạn ném vào bên trong; lợi dụng uy lực VK và khói đạn nhanh chóng xông lên bắn găm, bắn gần, đâm lê, đánh báng để tiêu diệt tên còn sống sót

- Ụ súng có nắp: lợi dụng góc tử giác, tiếp cận vào bên sườn, phía sau đặt thuốc nổ vào nơi mỏng yếu/ nhét thủ pháo, lựu đạn vào lỗ bắn, cửa ra vào tdiệt địch bên trong

TH có hàng rào trùm phải dùng lựu đạn dài để phá/ dùng kéo để cắt. Nếu lỗ bắn có lưới chắn, có thể buộc lựu đạn, thủ pháo thành chùm/ buộc móc vào thuốc nổ móc vào lưới -> phá lưới, sau đó nhét lựu đạn vào trong ụ súng. Sau khi lựu đạn nổ, nhanh chóng xông vào bên trong bắn găm, bắn gần,... tdiệt địch

(2) Mtiêu xe tăng

* *Đặc điểm*

- Khi bố trí trong công sự: thg bố trí nửa chìm, nửa nổi/ đắp đất, xếp bao cát xquanh tạo thành công sự nổi, xquanh có thể có lưới chắn đạn B41,B40, bên cạnh xe có các ụ chiến đấu bvệ
- Khi cơ động: có thể có bộ binh ngồi trên xe/ cơ động hai bên sườn, phía sau xe để chiến đấu bvệ xe khi bị đối phg tiến công
- Vỏ thép dày, hoả lực mạnh, sức cơ động cao nhưng tầm quan sát hạn chế, dễ bị tdiệt khi ta tiếp cận gần

* *Cách đánh*

- Trc khi đánh phải quan sát địa hình, địa vật xquanh, xác định loại xe, lực lg địch trên xe, xquanh xe; vị trí bố trí/ hướng, đg, V vận động; tchất hoạt động, nơi sơ hở.
- TH xe tăng dừng tại chỗ/ bố trí trog công sự: lợi dụng địa hình, địa vật, nơi sơ hở địch, bí mật đến gần, đột nhiên nổ súng tdiệt bộ binh trên xe/ xquanh xe, sau đó nhanh chóng xông đến dùng tnổ, thủ pháo, mìn, lựu đạn phá huỷ xe

- TH xe tăng đang vận động: thời cơ tốt nhất là lúc xe vận động tốc độ chậm -> nhanh chóng đón đầu xe, nhảy lên dùng bộc phá đặt vào chỗ mỏng yếu; nhanh chóng nhảy xuống lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp. Khi bộc phá nổ, xông lên bắn găm, bắn gần tdiệt nốt tên địch còn sống sót. Nếu trên xe/ hai bên sườn phía sau xe có bộ binh đi kèm, phối hợp chặt chẽ vs đồng đội để chia cắt bộ binh vs xe/ tdiệt bộ binh, sau đó tdiệt xe

Câu 7: Nhiệm vụ từng ng trong chiến đấu tiến công và từng ng trong chiến đấu phòng ngự. Trình bày nội dung hiểu rõ nhiệm vụ của từng ng trong chiến đấu tiến công.

*** Nhiệm vụ của từng ng**

- Trong chiến đấu tiến công: đánh chiếm 1 số MT
- + Địch trong ụ súng, lô cốt, chiến hào, giao thông hào, căn nhà
- + Xe tăng, xe bọc thép địch
- + Tên địch, tốp địch ngoài công sự
- Trong chiến đấu phòng ngự:
- + Dựa vào công sự trận địa tdiệt và đánh bại địch tiến công ở phía trc, bên sườn, phía sau trận địa phòng ngự
- + Đánh địch đột nhập
- + Tgia lm nvụ đánh địch vòng ngoài
- + Tgia lm nvụ tuần tra, canh gác, trong pvi trận địa phòng ngự

*** Nội dung hiểu rõ nvụ trong chiến đấu tiến công:**

- Nội dung

- + MT phải đánh chiếm: Loại MT gì?(U súng, lô cốt, tên địch, tốp địch...), vị trí và tchất của MT (ở đâu, trong hay ngoài công sự, bộ binh hay xe tăng), những MT có liên quan.
- + Nvụ (hiệp đồng vs ai, đánh chiếm MT nào, ở đâu, sau khi đánh chiếm xong MT phải lm gì?) cách đánh (thứ tự, phg pháp tdiệt MT)
- + Kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu liên lạc và báo cáo
- + Bạn có lquan: ở bên phải, bên trái là ai, lm nvụ gì?
- Phương pháp:
Khi nhận nvụ, csĩ phải kết hợp nhìn vs nghe, nhận đầy đủ, cxác. Nếu nội dung nào chưa rõ phải hỏi lại để ng chỉ huy bổ sung cho đầy đủ.

Câu 8: Các yêu cầu chiến thuật của từng ng trong chiến đấu phòng ngự. Phân tích Yêu cầu 1,2,4

- (1) *Có quyết tâm chiến đấu cao. Cbi mọi mặt chu đáo, bđảm đánh địch dài ngày*
 - Ý nghĩa: yc most essential, thể hiện tinh thần chiến đấu sắt đá, xuyên suốt trog trận đấu, quyết tâm kphục vs mọi khó khăn quyết tâm thắng lợi, hthành nvụ
 - Nội dung
 - + Có lập trg ctri, tư tg, tâm lí vững vàng
 - + Luôn kphục khó khăn, kiên quyết giữ vững trận địa đến cùng
 - + XD công sự, trận địa vững chắc
 - + Chủ động hiệp đồng vs bạn
 - Bpháp

- + Thực tu dưỡng rèn luyện ncao bản lĩnh chiến đấu
- + Quán triệt vs mọi nvụ đc giao
- + Thực hành chiến đấu mưu trí dũng cảm
- + Thực tập, vận dụng linh hoạt sáng tạo n thuật chiến đấu phù hợp vs đk hoàn cảnh cụ thể

(2) XD công sự chiến đấu vững chắc, ngày càng kiên cố, nguy trang bí mật

- Ý nghĩa: yc essential, thể hiện phòng thủ vững chắc đối phó với kẻ địch trong bất kì tgian nào, đánh lừa kẻ địch tiến công thất bại
- Nội dung
 - + Có chiến lược phòng thủ vững chắc trên công sự, ngăn chặn mất mát có thể xra
 - + Nguy trang, lợi dụng địa hình địa vật để kẻ địch không phát hiện ra, đánh lừa địch
- Bpháp:
 - + Cải thiện chất lg, chất liệu để XD ngày càng kiên cố, vững chắc
 - + Tu dưỡng, rèn luyện vận dụng nguy trang dựa vào địa hình xquanh

(3) Thiết bị bắn chu đáo, phát huy đc hoả lực ngăn chặn và tdiệt được địch trên các hg

(4) Hiệp đồng chặt chẽ vs đồng đội tạo thành thể liên hoàn đánh địch

- Ý nghĩa: thể hiện tính đoàn kết của QĐ ta, kết hợp sức đánh của nhiều ng vs nhau cùng tiến công địch quyết giành chiến thắng
- Nội dung:
 - + Hiệp đồng chặt chẽ vs đồng đội, chủ động lên kế hoạch, phối hợp tác chiến chặt chẽ tạo thể liên hoàn đánh địch

- Bpháp:

+ Rèn luyện, tu đg, củng cố mối quan hệ với đồng đội, tránh gây xích mích dẫn tới phối hợp không đồng đều dẫn tới thất bại

+ Đoàn kết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, giữ vững trận địa

(5) *Kiên cng, mưu trí, dũng cảm, chủ động, kiên quyết giữ vững trận địa đến cùng*

Câu 9: KN bản đồ, địa hình? Trình bày phương pháp chiếu đồ Gauss, phương pháp chiếu đồ UTM

* KN:

- Bản đồ: là hình ảnh thu nhỏ và kquát 1 phần trái đất lên mặt giấy phẳng theo những cthức toán học nhất định, trog đó các chi tiết ở thực địa đã đc thu nhỏ và đơn giản hoá = các kí hiệu, msắc, csố và cviết

- Địa hình: là tổng hợp của dáng đất và địa vật

+ dáng đất: độ cao thấp lồi lõm của mđất

+ địa vật: những vật tồn tại trên mđất (nhà cửa, cây cối, tháp nc..)

* Phg pháp chiếu đồ GAUSS:

- Là phép chiếu đồ lồng trụ ngang giữ góc, mặt trụ tiếp xúc vs mặt cầu theo 1 kinh tuyến nào đó, trục hình trụ nằm trong mặt phẳng xích đạo và vg góc vs trục Trái Đất

- Toàn bộ mặt Trái Đất đc chia thành 60 múi, mỗi múi có giá trị 6 độ kt và đc đánh số từ múi số 1 đến 60 từ Tây sang Đông bđầu từ kinh tuyến gốc

- Kinh tuyến giữa là tuyến trung ương

* Phg pháp chiếu UTM

- Nguyên tắc căn bản, cơ sở nội dung giống như phép chiếu Gauss, là phép chiếu đồ giữ góc lõng trụ ngang và cùng dạng cthức
- Tuy nhiên, trong lưới chiếu UTM hình trụ ngang không txúc mà cắt Elipxoit ở hai cát tuyến, cách đều kt giữa 180km về phía Đông và Tây

Câu 10: Định nghĩa, đặc điểm của đường bình độ

- KN: Đường bình độ là những đg cong khép kín nối liền các điểm có cùng độ cao trên mặt đc chiếu lên mặt phẳng bản đồ
- Đặc điểm:
 - + Mọi điểm trên đg bình độ có độ cao = nhau
 - + Đg bình độ lồng vào nhau ko xoáy ốc nhưng ko cắt nhau
 - + Các đg bình độ đối nhau có độ cao = nhau
 - + Các đg bình độ càng sát nhau thì có độ dốc càng lớn và ngc lại

Câu 11: Căn cứ vào phương pháp chiếu đồ Gauss, trình bày cách xác định mảnh bản đồ có số hiệu: (...)

- B1: Chia mặt TĐ thành 60 dải chiếu đồ, đánh số từ 1 đến 60. Dải số 1 từ 180 độ đến 174 độ Tây và tiến dần về phía Đông đến dải số 60. Chia dải chiếu đồ theo vĩ độ từng khoảng 4 độ kể từ xích đạo trở lên Bắc cực và Nam cực, đánh thứ tự A,B,C,... tính từ xích đạo. Mỗi hthang cong (6 độ kt, 4 độ vt) là khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1000000. Ghi tên dải trục ghi số múi chiếu sau -> tìm đc mảnh bản đồ
- B2: Từ mảnh bản đồ (tỉ lệ 1:1000000) chia ra 144 hthang cong tg đối = nhau, kí hiệu, phg pháp đánh kí hiệu từ trái -> phải, trên -> dưới ta tìm đc mảnh ... (tỉ lệ...)

Câu 12: KN, tdụng, yêu cầu khi use thuốc nổ

- KN: Thuốc nổ là 1 hợp chất/ 1 hỗn hợp hoá học, khi bị tác động như nhiệt,... thì có pư nổ, sinh nhiệt cao, lg khí lớn tạo thành áp lực mạnh phá huỷ các vật thể xquanh
- Tdụng: Tnổ có sức phá hoại lớn, có thể tdiệt sinh lực, phá huỷ ptien ctranh, công sự, vật cản của địch, tăng tốc độ phá đất đá, lm công sự, kthác gỗ..
- Yêu cầu:
 - + Phải căn cứ vào nvụ, cách đánh, tình hình địch, địa hình, thời tiết và lg thuốc nổ hiện có để qđịnh cách đánh cho phù hợp

- + Cbi chu đáo, đảm nỏ
- + Đánh đúng: đúng MT, đúng khối lg, đúng lúc, đúng điểm đặt
- + Dững cảm, bình tĩnh, hiệp đồng chặt chẽ vs xung lực, hoả lực
- + Đảm an toàn

Câu 13: Nêu 1 số loại thuốc nổ thg dùng. Trình bày tính năng, công dụng của thuốc nổ TNT

* Một số loại thuốc nổ thg dùng:

- Fulminat thuỷ ngân
- Azôtua chì
- Nitrat amôn
- Thuốc TNT (Trinitro Toluen)
- Thuốc nổ C4
- Pentrit
- Hêxôghen

* Thuốc nổ TNT: $\text{CH}_3\text{C}_6\text{H}_2(\text{NO}_2)_3$

- Tdụng: nhồi trong bom, mìn. Trộn vs tnỏ mạnh lm dây nổ. Ngoài ra đc đúc ép thành các loại bánh để cấu tạo, lkết thành các loại tnỏ tdiệt đánh phá các mtiêu
- Đtính: màu vj:

- + vàng nhạt, vàng nâu, gặp á sáng -> màu hạt dẻ
- + vị đắng, độc, ít tan trong nước nhưng tan trong nước sôi
- **Pur nổ:**
 - + An toàn khi va đập, cọ xát, súng trường bắn xuyên qua không cháy, không nổ
 - + Gây nổ = cấp số 6 trở lên
- **Pur xúc:**
 - + Không hút ẩm, không tan trong nước, tan trong dung môi hữu cơ
 - + Không tương thích với KL, tương thích với bazơ tạo chất nhạy nổ
 - + Cháy trong không khí có khói đen, cháy chỗ kín thì có thể nổ
- **Pur nhiệt:**
 - + Nóng chảy: $79 - 81^{\circ}\text{C}$
 - + nhiệt độ cháy: 350°C
 - + V nổ: $4700 - 7000 \text{ m/s}$
 - + nhiệt lg nổ: 1000 kcal/kg
 - + sản phẩm khí: 685 l/kg
- **Tỷ trọng:**
 - + Dạng bột/trấu: $0,9 - 1 \text{ g/cm}^3$
 - + Dạng đúc/ép: $1,56 - 1,62 \text{ g/cm}^3$

Câu 14: Trình bày tác dụng, cấu tạo các piện gây nổ thg

(1) Kíp:

- Tdụng: kích nổ cho các khối nổ nổ
- Tạo:

+ Kíp thg: vỏ kíp hình ống, = Cu, Al/ giấy, dưới đáy lõm để tăng sức gây nổ. Bên trong có tnỏ mạnh, trên tnỏ mạnh có thuốc gây nổ, trên thuốc gây nổ có lớp lụa hoá học phòng ẩm; bát KL giữ thuốc gây nổ ko bị rơi ra ngoài, giữa bát KL có lỗ (mắt ngỗng) để nhận tia lửa và gây nổ kíp; phần trên ngỗng lắp dây cháy chậm/ dây nổ

+ Kíp điện: cấu tạo phần dưới như kíp thg; chỉ khác phần trên có dây tóc, quanh dây tóc có thuốc cháy, hai dây cuống kíp từ ngoài nối vs 2 đầu dây tóc và miếng nhựa cách điện

(2) Dây cháy chậm:

- Tdụng: dẫn lửa gây nổ kíp, đảm ng gây nổ có đủ tgian cần thiết cơ động về vị trí ẩn nấp/ chạy ra khỏi vùng nguy hiểm

- Ctạo: Vỏ bọc gồm nhiều sợi dây cuốn, bên ngoài quét nhựa đg, bên trong vỏ là lớp giấy, sợi tim và lõi thuốc đen

(3) Nụ xoè:

- Tdụng: phát lửa đốt cháy dây cháy chậm/ gây nổ kíp trực tiếp nhanh gọn, bí mật

- Ctạo:

+ Nụ xoè giấy: vỏ bằng giấy, tay giật bằng tre nối vs dây giật = KL dây xoắn có quét thuốc cháy, bên trong có phễu KL đựng thuốc phát lửa, lỗ tra dây cháy chậm, hom giỏ để giữ chắc dây cháy chậm

+ Nụ xoè nhựa: vỏ bằng nhựa, tay giật bằng nhựa nối vs dây giật = KL dây xoắn có quét thuốc cháy, bên trong có phễu KL đựng thuốc phát lửa, lỗ tra dây cháy chậm

+ Nụ xoè đồng: cơ bản như nụ xoè nhựa chỉ khác: vỏ bằng đồng, hai bên có lỗ trích khí thuốc đối xứng nhau, dây giật bằng sợi gai màu đen

(4) Dây nổ:

- Tdụng:

+ Dùng gây nổ 1/ nhiều lg nổ cùng 1 lúc đặt cách xa nhau

+ Mở lỗ đặt tnổ khi đào công sự, phá đất

- Ctạo: Vỏ bằng nhựa/vải cuộn có quét nhựa phòng ẩm bên ngoài có màu đỏ, trắng/lốm đốm đỏ. Đg kính 5,5-6mm. Lõi dây mtrắng/ hồng hạt.

Câu 15: Các nhân tố sát thg phá hoại của VK hạt nhân khi nổ tạo ra, trình bày đặc điểm tác hại và cách phòng chống các nhân tố sát thg phá hoại

(1) Sóng xung kích

- KN: Dưới tác động của nhiệt độ và áp suất cực kì cao lm vchất xquanh tâm nổ nóng chảy bốc hơi, dồn nén lớp ko khí bao quanh tâm nổ hình thành sóng xung kích. -> 50%

- Tác hại:

+ Trực tiếp: do sức ép của ko khí lm cho các bộ phận ng bị tổn thg, biến dạng hư hỏng VK, trang bị kĩ thuật

+ Gián tiếp: lm đổ sập nhà cửa, hầm hào.... đè lên quăng quật ng gây chấn thg

- Phòng chống:

+ Triệt để lợi dụng địa hình địa vật ẩn nấp, ko hướng vào tâm nổ giảm tác hại

- + Đang vận động trên địa hình phẳng phải nằm sấp xuống chân quay về phía tâm nổ, hai tay đỡ ngực và dùng ngón trỏ bịt hai tai, đầu cúi xuống đất, úp mặt vào cánh tay, mắt nhắm há mồm, thở đều
- + Hàm hào, công sự phải XD kiên cố, vững chắc
- + Lm tốt ctác cấp cứu, cứu sập

(2) Bức xạ quang

- KN: Gồm những chùm tia hồng ngoại, tử ngoại, tia X.. truyền đi vs vận tốc nhanh, phg truyền thẳng do nhiệt độ và áp suất cực kì lớn -> ko khí, đất, nc bị nung nóng đến nhiệt độ cao -> 35%

- Tác hại:

- + Lm bỏng, cháy da, gây mù mắt, hoá than
- + Tạo ra vùng cháy lớn gây tác hại gián tiếp cho con ng

- Phòng chống:

- + Lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp
- + Hàm hào, công sự XD bằng vliệu khó cháy
- + Tổ chức ctác cấp cứu tốt, cứu chữa ng bị bỏng..

(3) Bức xạ xuyên

- KN: dòng tia Gamma và Notron đc phóng ra từ tâm nổ lúc xra pư hạt nhân, từ của cầu lửa và đám mây phóng xạ -> 5%

- Tác hại:

- + Ion hoá các ptử, tế bào gây bệnh phóng xạ ng, động vật
- + Biến 1 số chất thành đồng bị phóng xạ gây tác hại gián tiếp
- + Ảnh hg thiết bị bán dẫn, hồng phim ảnh, kính ngắm

- Phòng chống:

- + Lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp

- + XD công sự, hầm hào phải có nắp, đủ độ dày
- + Cấp thuốc phòng phóng xạ
- + Che đậy, bảo vệ nguồn nước, lương thực..

(4) Chất phóng xạ

- KN: sinh ra từ mảnh vỡ hạt nhân, chất phóng xạ cảm ứng và chất nổ hạt nhân chưa tgia pur. Tồn tại ở dạng khí, bụi, xỉ phóng xạ trên bề mặt địa hình, vật thể khi bị dòng Notron chiếu vào -> 10%

- Tác hại: gây bệnh phóng xạ cho con ng theo 3 đg: chiếu xạ ngoài, nhiễm xạ da và nhiễm xạ bên trong. Đối tg VK, nguồn nc,... bị nhiễm gây tác hại gián tiếp

- Phòng chống:

- + Use khí tài phòng hoá, lợi dụng địa hình, địa vật
- + XD công sự, hầm hào có nắp kín
- + Sử dụng, trang bị khí tài xác định mức độ ô nhiễm, tẩy xạ cho đối tg
- + Uống thuốc phòng phóng xạ
- + Tổ chức cấp cứu kịp thời

(5) Hiệu ứng điện từ

- KN: Dưới tác dụng của nhiệt độ cao và dòng Gamma, Notron, các ngử ko khí bị ion hoá tạo thành các ptử mang điện tích. Trong ko gian hình thành những vùng điện tích trái dấu, lm xiên điện từ trg tổng hợp -> hiệu ứng điện từ

- Tác hại:

- + Lm nhiễu hđộng của máy vô tuyến điện, ra đa
- + Lm đứt dây dẫn điện, lm mất tính cách điện của 1 số vliệu -> chập cháy điện

+ Tdụng vào hệ thống điều khiển thông tin liên lạc đặt dưới hầm sâu mà sóng xung kích, bức xạ quang không tdụng đc

- Phòng chống:

+ XD hệ thống thu xung điện từ ở các tầng hầm chỉ huy

+ Thiết kế mạch điện chống xung

+ Thg xuyên tđổi tần số lm việc của máy vô tuyến điện

+ Kịp thời tbáo, báo động cho các lực lg

+ Tạm ngắt máy vô tuyến, đg truyền điện

Câu 16: Thế nào là VK hoá học? Trình bày đặc điểm chiến đấu của VK hoá học, phân tích các chất độc thần kinh, loét da

* KN: VK hoá học là 1 loại VK huỷ diệt lớn mà tdụng sát thg của nó do độc tính của các chất độc quân sự để gây cho ng, sinh vật và phá huỷ môi trng sinh thái

* Đặc điểm chiến đấu:

- Sát thg sinh lực chủ yếu bằng tính độc

- Phạm vi gây tác hại rộng

- Thời gian gây tác hại kéo dài

* Chất độc thần kinh:

- Là những chất độc gây tác hại đối với hệ thần kinh TW:Sa rin (GB), Sô man (GD), VX.

- Triệu chứng trúng độc: Con người thu nhỏ, khó thở, chảy nước dãi, ỉa đái dầm dề, co giật từng cơn dẫn đến tê liệt toàn thân và chết.

- Cách phòng chống: Đeo mặt nạ, mặc khí tài phòng da, uống nước phòng chất độc thần kinh. Nếu bị nhiễm chất độc VX thì tiêm atropin hoặc dung dịch thuốc tím 1-2% hay nước tro, nước tiểu, chất tiêu độc để tiêu tẩy.

* Chất độc loét da:

- Là những chất độc gây tác hại đối với da: Ypêrít, Ypêrít nitơ, Lovisít.
- Triệu chứng trúng độc: Da bị tẩy đỏ, rộp phỏng dẫn đến loét. Sau 20-30 ngày khỏi, để lại sẹo. Làm tổn thương da, mắt, cơ quan hô hấp và đường tiêu hóa. Nếu nhiễm nặng, cứu chữa không kịp thời có thể bị chết.
- Cách đề phòng: Đeo mặt nạ, mặc khí tài phòng da, dùng bao tiêu độc cá nhân hoặc dung dịch thuốc tím 1-2% hay dung dịch tiêu tẩy để tiêu độc. Nếu ăn phải chất độc thì phải gây nôn.

Câu 17: Thế nào là VK sinh học? Trình bày triệu chứng, cách phòng chống các bệnh dịch hạch, bệnh than, bệnh đậu mùa

* KN: VK sinh học là VK huỷ diệt lớn, dựa vào đặc tính gây/ truyền bệnh của vi sinh vật như vi khuẩn, virus, rickettsia, nấm đơn bào/độc tố do vi sinh vật tiết ra để giết hại/gây bệnh hàng loạt người, động vật, thực vật.

* Bệnh dịch hạch:

- Triệu chứng: nhức đầu, đau mỏi toàn thân, sốt cao, buồn nôn, mặt và mắt đỏ, hạch nổi ở nách, ở bẹn thời kỳ ủ bệnh 5-6 ngày



- Phòng chống: Bvệ đg hô hấp: đeo khẩu trang tẩm cồn long não và kính b vệ mắt. Tiêm chủng phòng dịch bệnh. Tổ chức diệt chuột và bọ chết. Tiêm kháng sinh, truyền huyết thanh

* Bệnh dịch tả:

- Triệu chứng: ỉa chảy, nôn mửa nhiều lần, mất sâu, thân nhiệt hạ, tim đập yếu và nhanh, tụt huyết áp. Tgian ủ bệnh 2-3 ngày

- Phòng chống:

+ Vs ng lành: giữ vsinh ăn, uống, diệt ruồi, nhặng, tiêm chủng

+ Vs ng bệnh: cách li triệt để, tẩy uế đồ đạc, giường, chiếu, q áo.... dùng thuốc kháng sinh và truyền huyết thanh

* Bệnh đậu mùa:

- Triệu chứng: sốt cao, rùng mình, đau lưng, nhức đầu, nôn mửa, nổi mẩn ở mặt và khắp ng, dần thành nốt rộp phỏng rồi thành mụn mủ, sau đó thành vảy, cuối cùng bong vảy ra thành những vết rôm. Tgian ủ 9-12 ngày

- Phòng chống: cách li ng bệnh, tẩy uế đồ dùng, dùng thuốc kháng sinh đề phòng biến chứng do virus gây nên

Câu 18: Thế nào là VK hạt nhân? Cách phân loại VK hạt nhân

* KN: VKHN – 1 loại VK huỷ diệt lớn mà đặc tính chiến đấu dựa trên cơ sở use năng lg rất lớn đc giải phóng ra từ pư phân hạch dây chuyền và pư tổng hợp hạt nhân

* Phân loại:

- PL theo đg lượng nổ: 1kt=1000t TNT; 1Mt=1.000.000t TNT

+ cực nhỏ: q<1kt



- + nhỏ: $1\text{kt} < q < 10\text{kt}$
- + vừa: $10\text{kt} < q < 100\text{kt}$
- + lớn: $100\text{kt} < q < 1$
- + cực lớn: $q > 1\text{Mt}$
- PL theo ng lí tạo:
 - + VK ngử (A)
 - + VK khinh khí (H)
 - + VK nơtron (N)
- PL theo mđích:
 - + clược
 - + chiến thuật